SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP.HCM

**TRƯỜNG THPT GÒ VẤP**

TÀI LIỆU ÔN TẬP CUỐI KÌ 1 LỚP 10

(HSHN HỌC 20 CÂU ĐẦU PHẦN I. TRẮC NGHIỆM VÀ CÂU 1,2 TRONG PHẦN II.1 LÍ THUYẾT TRONG II.TỰ LUẬN)

1. TRẮC NGHIỆM. **(4 điểm)**

Câu 1. Gió nào sau đây thường gây nhiều mưa cho khu vực Đông Nam Á?

A. Tín phong bán cầu Nam.

B. Tín phong bán cầu Bắc.

C. Gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương.

D. Gió Đông Bắc từ phương Bắc đến.

Câu 2. Ở Bắc bán cầu, gió Tây ôn đới thổi quanh năm theo hướng

A. tây bắc.

B. đông bắc.

C. đông nam.

D. tây nam.

Câu 3. Vành đai áp nào sau đây chung cho cả hai bán cầu Bắc và Nam?

A. Cực.

B. Chí tuyến.

C. Xích đạo.

D. Ôn đới.

Câu 4. Gió Đông cực thổi từ áp cao

A. chí tuyến về ôn đới.

B. chí tuyến về xích đạo.

C. cực về xích đạo.

D. cực về ôn đới.

Câu 5. Đặc điểm của gió mùa là

A. hướng gió thay đổi theo mùa.

B. tính chất không đổi theo mùa.

C. nhiệt độ các mùa giống nhau.

D. độ ẩm các mùa tương tự nhau.

Câu 6. Các vành đai áp nào sau đây được hình thành do nhiệt lực?

A. Cực, xích đạo.

B. Ôn đới, chí tuyến.

C. Xích đạo, chí tuyến.

D. Chí tuyến, cực.

Câu 7. Loại gió nào sau đây không phải là gió thường xuyên?

A. Gió Đông cực.

B. Gió Mậu dịch.

C. Gió mùa.

D. Gió Tây ôn đới.

Câu 8. Về mùa đông, gió Đông Bắc thổi từ các cao áp phương Bắc về phía nam có tính chất

A. nóng, ẩm.

B. lạnh, khô.

C. nóng, khô.

D. lạnh, ẩm.

Câu 9. Vào mùa hạ, trung tâm áp thấp I-ran (Nam Á) hút gió

A. tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương và Tín phong bán cầu Bắc.

B. Mậu dịch từ bán cầu Nam và tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương.

C. từ Bắc Ấn Độ Dương và Đông Bắc từ cao áp phương Bắc.

D. Mậu dịch từ bán cầu Nam và Đông Bắc từ cao áp phương Bắc.

Câu 10. Các vành đai nào sau đây là áp cao?

A. Chí tuyến, ôn đới.

B. Ôn đới, cực.

C. Xích đạo, chí tuyến.

D. Cực, chí tuyến.

Câu 11. Khu vực nào sau đây không có gió mùa hoạt động?

A. Đông Nam Á.

B. Đông Phi.

C. Tây Phi.

D. Nam Á.

Câu 12. Các vành đai nào sau đây là áp thấp?

A. Chí tuyến, ôn đới.

B. Xích đạo, chí tuyến.

C. Ôn đới, xích đạo.

D. Cực, chí tuyến.

Câu 13. Trị số khí áp tỉ lệ

A. thuận với độ ẩm tuyệt đối.

B. nghịch với độ cao cột khí.

C. nghịch với tỉ trọng không khí.

D. thuận với nhiệt độ không khí.

Câu 14. Nguyên nhân sinh ra gió là

A. frông và dải hội tụ.

B. áp cao và áp thấp.

C. lục địa và đại dương.

D. hai sườn của dãy núi.

Câu 15. Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao

A. chí tuyến về ôn đới.

B. chí tuyến về xích đạo.

C. cực về ôn đới.

D. cực về xích đạo.

Câu 16. Khối khí nào sau đây không phân biệt thành kiểu lục địa và kiểu hải dương?

A. Chí tuyến.
B. Xích đạo.
C. Cực.
D. Ôn đới.

Câu 17. Frông ôn đới (FP) là mặt ngăn cách giữa hai khối khí

A. xích đạo và chí tuyến.
B. chí tuyến và ôn đới.
C. ôn đới và cực.
D. cực và xích đạo.

Câu 18. Gió Mậu dịch thổi từ áp cao

A. chí tuyến về ôn đới.
B. cực về ôn đới.
C. chí tuyến về xích đạo.
D. cực về xích đạo.

Câu 19. Nơi nào sau đây có mưa ít?

A. Giữa các khối khí nóng và khối khí lạnh.
B. Giữa khu vực áp cao và khu vực áp thấp.
C. Khu vực có nhiễu loạn mạnh không khí.
D. Khu vực thường xuyên có gió lớn thổi đi.

Câu 20. Sông nằm trong khu vực xích đạo thường có nhiều nước

A. vào mùa hạ.
B. vào mùa xuân.
C. quanh năm.
D. theo mùa.

Câu 21. Ở vùng chí tuyến, bờ Tây lục địa có khí hậu

A. ẩm, mưa nhiều.
B. khô, ít mưa.
C. lạnh, ít mưa.
D. nóng, mưa nhiều.

Câu 22. Đặc trưng của thổ nhưỡng là

A. tơi xốp.
B. độ phì.
C. độ ẩm.
D. vụn bở.

Câu 23. Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có

A. toàn bộ sinh vật sinh sống.
B. tất cả sinh vật, thổ nhưỡng.
C. thực, động vật; vi sinh vật.
D. toàn bộ thực vật sinh sống.

Câu 24. Các vành đai áp nào sau đây được hình thành do động lực?

A. Xích đạo, chí tuyến.
B. Chí tuyến, cực.
C. Cực, xích đạo.
D. Ôn đới, chí tuyến.

Câu 25. Vùng chí tuyến có mưa tương đối ít là do tác động của

A. áp cao.
B. áp thấp.
C. gió mùa.
D. địa hình.

Câu 26. Ở những vùng đất, đá thấm nước nhiều, nhân tố nào sau đây có vai trò đáng kể trong việc điều hoà chế độ nước của sông?

A. Nước ngầm.
B. Băng tuyết.
C. Địa hình.
D. Thực vật.

Câu 27. Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần hữu cơ cho đất?

A. Khí hậu.
B. Sinh vật.
C. Địa hình.
D. Đá mẹ.

Câu 28. Khoảng vài chục mét ở phía trên bề mặt đất là có thực vật sinh sống, do có

A. ánh sáng, khí, nước, chất dinh dưỡng.
B. ánh sáng, khí, nguồn nước, nhiệt độ.
C. chất dinh dưỡng, không khí và nước.
D. chất dinh dưỡng, nước và ánhh sáng.

Câu 29. Nhận định nào sau đây không đúng với frông?

A. Có frông nóng và frông lạnh.
B. Là nơi có nhiễu loạn thời tiết.
C. Hai bên khác biệt về nhiệt độ.
D. Hướng gió hai bên giống nhau.

Câu 30. Nhận định nào sau đây không đúng với ảnh hưởng của khí hậu tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

A. Mỗi loài cây thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định.
B. Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hoá, độ phì của đất.
C. Sinh vật phát triển tốt trong môi trường tốt về nhiệt, ẩm.
D. Cây xanh nhờ ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp.

Câu 31. Loại gió nào sau đây là gió địa phương?

A.Gió phơn.

B.Gió mùa.

C.Gió Tây ôn đới.

D.Gió Đông cực.

Câu 32. Thủy quyển phân bố không đều, chủ yếu là nước mặn chiếm khoảng:

A.99%

B.80%

C.97,5%

D.85%

Câu 33. Thủy quyển phân bố không đều, nước ngọt rất ít chỉ khoảng:

A.5%

B.2,5%

C.7%

D.8,5%

1. TỰ LUẬN. **(6 điểm)**

**II.1. Lí Thuyết. (3 điểm)**

**Câu 1. Trình bày các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông.**

- Nguồn cung cấp nước sông:

+ Mưa: chế độ nước đơn giản, mưa lũ tương ứng với mùa mưa, mùa cạn tương ứng với mùa khô.

+ Băng tuyết tan: khi nhiệt độ tăng lên cao, băng tuyết tan, sông ngòi dồi dào nước.

+ Nước ngầm: vai trò quan trọng trong điều hòa chế độ nước sông.

- Các nhân tố tự nhiên khác

+ Địa hình: ở miền núi, sông có tốc độ dòng chảy nhanh hơn ở đồng bằng.

+ Thực vật:  giúp điều hòa dòng chảy, giảm lũ lụt.

+ Hồ, đầm: nối với sông có tác dụng điều hòa chế độ nước sông.

## Câu 2. Chứng minh rằng khí hậu vừa có ảnh hưởng trực tiếp, vừa có ảnh hưởng gián tiếp đến sự hình thành đất.

a. Ảnh hưởng trực tiếp:

- Nhiệt độ, mưa và các chất khí phá hủy đá gốc hình thành các sản phẩm phong hóa – vật liệu cơ bản thành tạo đất.

- Các yếu tố khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm,…) ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất:

+ Nơi có nhiệt ẩm cao, quá trình hình thành đất diễn ra mạnh mẽ => lớp vỏ phong hóa và lớp đất dày.

+Nơi có điều kiện nhiệt ẩm không thuận lợi => lớp đất thô và mỏng.

b. Ảnh hưởng gián tiếp thông qua sinh vật: các đới khí hậu khác nhau, sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật không giống nhau => thành phần hữu cơ của đất khác nhau.

**Câu 3. Trình bày sự ảnh hưởng của khí hậu và nguồn nước đến sự phát triển và phân bố của sinh vật.**

- Ánh sáng: ảnh hưởng tới sự trao đổi chất và năng lượng của nhiều hoạt động sinh lí của cơ thể sống.

- Nhiệt độ:

+ Mỗi loài thích nghi với 1 giới hạn nhiệt nhất định.

+ Nhiệt độ cũng quyết định đến sự phân bố các loài.

- Nước và độ ẩm không khí:

+ Nước tham gia hầu hết các hoạt động sống của sinh vật, là môi trường sống của nhiều loài sinh vật.

+ Độ ẩm không khí ảnh hưởng nhiều đến sự sinh trường và phát triển của sinh vật.

II.2. CÂU HỎI MỞ RỘNG KIẾN THỨC (1 ĐIỂM).

II.3. BÀI TẬP: (2 ĐIỂM)

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ ĐẠI DƯƠNG TRÊN TRÁI ĐẤT

(Đơn vị: °C)

|  |  |
| --- | --- |
| Đại dương | Nhiệt độ  |
| Thái Bình Dương | 19,1 |
| Đại Tây Dương | 16,9 |
| Ấn Độ Dương | 17,0 |
| Bắc Băng Dương | 0,75 |

Vẽ biểu đồ cột thể hiện nhiệt độ trung bình của một số đại dương trên Trái Đất. Rút ra nhận xét.

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

ĐỘ MUỐI TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ ĐẠI DƯƠNG TRÊN TRÁI ĐẤT

(Đơn vị: ‰)

|  |  |
| --- | --- |
| Đại dương | Độ muối  |
| Thái Bình Dương | 34,9 |
| Đại Tây Dương | 35,5 |
| Ấn Độ Dương | 34,8 |
| Bắc Băng Dương | 31,0 |

Vẽ biểu đồ cột thể hiện độ muối trung bình của một số đại dương trên Trái Đất. Rút ra nhận xét.

--hết--